

Số: 27 /KH-SGDĐT

Ninh Bình, ngày 19 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 08/08/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2025; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành GDĐT năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn ngành giáo dục và đào tạo, tạo nền tảng cho đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại, linh hoạt, công bằng và hội nhập quốc tế. Đồng thời, nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khơi dậy tinh thần tự học, tự bồi dưỡng và phát triển văn hoá số trong toàn ngành, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong bối cảnh kỷ nguyên số.

- Tập trung xây dựng hạ tầng số đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và học sinh, sinh viên có năng lực số, kỹ năng số đáp ứng yêu cầu của thời đại.

- Hoàn thiện các nền tảng và dịch vụ số phục vụ dạy học và quản trị giáo dục, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và thuận lợi cho người học, nhà trường và xã hội.

- Tăng cường cải cách hành chính, triển khai dịch vụ công trực tuyến, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, truyền thông

- 100% cơ sở giáo dục ban hành kế hoạch và triển khai hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số”, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

- 100% trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06.

2.2. Về hạ tầng số

Phần đầu 100% các cơ sở giáo dục công lập có mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện chuyển đổi sang dải địa chỉ IPv6

2.3. Về nhân lực số

- 90% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại Sở GDĐT và 80% cán bộ, công chức, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

- 100% học sinh trung học, sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

2.4. Về phát triển dữ liệu số

- 100% cơ sở giáo dục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo quy định của Bộ GDĐT.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh triển khai xây dựng học liệu số theo chương trình giáo dục phổ thông mới

2.5. Về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến, giải quyết các thủ tục hành chính của ngành giáo dục đảm bảo các tỷ lệ chung của tỉnh¹.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác quản lý, dạy học.

- Tỷ lệ đội ngũ nhà giáo các trường phổ thông công lập được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.

- 100% các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh triển khai học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- 100% các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Triển khai cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển.

- Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục (cơ sở giáo dục phân công lãnh đạo phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục).

- Ban hành và công khai Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ để cải thiện công tác

¹ Tại mục 2.6 của Kế hoạch 19/KH-UBND ngày 08/8/2025

chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và trong quản trị, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản về chuyển đổi số theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, các quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng, phân công cụ thể trách nhiệm (giao trách nhiệm cụ thể các phòng/ tổ/ bộ phận/ cá nhân) về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về an ninh mạng, thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu và các quy định pháp luật khác đối với các hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm, ứng dụng đang triển khai tại đơn vị như: các hệ thống mạng; các phòng học và trang thiết bị về CNTT; công nghệ thông tin điện tử; hệ thống quản lý văn bản điều hành; phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm quản lý, quản trị nhà trường; phần mềm học bạ số; các hệ thống cơ sở dữ liệu và các hệ thống phần mềm khác.

- Triển khai, tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT² và của Sở GDĐT, đảm bảo đạt mức độ chuyển đổi số tối thiểu ở mức độ 2 theo quy định.

2. Đảm bảo điều kiện về hạ tầng số, an toàn thông tin mạng

- Đối chiếu với các quy định về mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục, đơn vị kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất nhu cầu các điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT, các hệ thống thông tin, phần mềm, nhân lực, kinh phí... để triển khai hiệu quả công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý điều hành và tổ chức dạy, học tại đơn vị, báo cáo về cơ quan quản lý trực tiếp.

- Rà soát công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nâng cấp hệ thống nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục các lỗ hổng về kỹ thuật, tránh nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống dẫn tới lộ, mất dữ liệu cá nhân. Đối với các đơn vị sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp trong việc duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm cần thực hiện rà soát nhằm bảo đảm nguyên tắc dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị phải thuộc quyền quản lý, kiểm soát của đơn vị; không để doanh nghiệp tiếp cận dữ liệu (trong đó có dữ liệu cá nhân) khi chưa có sự cho phép của đơn vị quản lý.

- Đối với việc quản lý, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm trong đơn vị: Quy định rõ trách nhiệm về bảo vệ tài khoản, an toàn thông tin mạng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; đặc biệt quan tâm tới quản lý tài khoản truy cập: không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp cần

² Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

thiết, thường xuyên phải thay đổi mật khẩu sử dụng.

- Đối với việc quản lý, sử dụng máy tính và các trang thiết bị CNTT khác cần cài đặt các phần mềm có bản quyền, cài đặt và thường xuyên cập nhật phiên bản mới nhất, thường xuyên sử dụng phần mềm diệt virus để kiểm tra máy tính, cảnh giác và kiểm tra các tệp tin, các đường link gửi qua thư điện tử, từ tài khoản mạng không rõ nguồn gốc và tải trên mạng về trước khi kích hoạt, sử dụng; tắt chế độ tự động mở, chạy các tệp tin đính kèm theo thư điện tử, bật các tính năng của thiết bị tường lửa, thường xuyên sao lưu các dữ liệu cần thiết và các biện pháp kỹ thuật khác.

3. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên trong toàn ngành

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 100% cán bộ, công chức, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng để cán bộ quản lý, giáo viên triển khai hiệu quả khung năng lực số và giáo dục kỹ năng số cho học sinh. Ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác quản lý và hoạt động dạy, học.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo các tiêu chí trong Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên đối với từng khối lớp theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức dạy, học, hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tại đơn vị, phần mềm có khả năng kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu được với các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu, bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

- Tiếp tục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ và các hệ thống thông tin khác của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, kết nối với các cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT và các hệ thống khác nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm và trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, đồng nhất, đúng quy trình theo yêu cầu của Sở GDĐT và Bộ GDĐT. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp Trường/Trung tâm

- Xây dựng và triển khai Kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Yêu cầu 100% cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh triển khai xây dựng học liệu số theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

5. Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06, nhiệm vụ cải cách hành chính và các dịch vụ công trực tuyến ngành giáo dục đáp ứng các mục tiêu chung của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về Học bạ số cấp tiểu học, thí điểm Học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

- Yêu cầu 100% các cơ sở giáo dục công lập triển khai thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục triển khai sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử; Quản lý hồ sơ sổ sách giáo dục; Dịch vụ, ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường...

6. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn.

- Thường xuyên cập nhật, phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công tác thống kê giáo dục, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin. Yêu cầu 100% các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06 trên trang thông tin điện tử của đơn vị

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 và phong trào “Bình dân học vụ số”.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Chi tiết theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Giao Phòng Công tác học sinh, sinh viên chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch, tổng hợp kết quả triển khai được gửi từ các đơn vị, báo cáo UBND tỉnh. Chủ trì, phối

hợp các phòng có liên quan xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí.

- Giao Phòng Tài chính phối hợp với Phòng Công tác học sinh, sinh viên tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch; phối hợp với các phòng thuộc Sở và các đơn vị có liên quan thẩm định các chủ trương đầu tư theo quy định.

- Các phòng thuộc Sở căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao (tại Phụ lục 1, 2 đính kèm Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai các nhiệm vụ đảm bảo chỉ tiêu của Kế hoạch. Tổng hợp và gửi kết quả triển khai nhiệm vụ được giao gửi về phòng Công tác học sinh, sinh viên.

2. Đề nghị UBND các xã, phường

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai Kế hoạch về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

- Bố trí, đảm bảo các điều kiện, nguồn lực, kinh phí cho các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai công tác chuyển đổi số đáp ứng mức độ chuyển đổi số tối thiểu ở mức độ 2 theo quy định và triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của các cơ sở giáo dục trực thuộc qua địa chỉ biểu mẫu <https://forms.gle/7AFsQJFVgKgKMYe68>.

3. Các cơ sở giáo dục trong tỉnh

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm học 2025-2026 tại đơn vị; trong đó, nhấn mạnh vai trò người đứng đầu của đơn vị. Ưu tiên bố trí các nguồn lực cho việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của đơn vị.

- Định kỳ hằng tháng (trước ngày 20), hằng quý (trước ngày 20 tháng cuối quý), và năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về đơn vị quản lý trực tiếp (Các đơn vị trực thuộc Sở báo cáo về Sở GDĐT qua địa chỉ biểu mẫu <https://forms.gle/7AFsQJFVgKgKMYe68>; các trường Mầm non, tiểu học, THCS báo cáo về UBND các xã, phường) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo theo quy định.

Sở GDĐT yêu cầu các phòng thuộc Sở, đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện. / *gtho*

Nơi nhận:

- Sở KHCN;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, CTHSSV.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Dũng

PHỤ LỤC 1
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GDĐT)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện	Đơn vị tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	100% cơ sở giáo dục ban hành kế hoạch và triển khai hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số” và tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục	Trước ngày 10/10/2025
2	100% trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
3	100% các cơ sở giáo dục công lập có mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện chuyển đổi sang dải địa chỉ IPv6	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục	Tháng 12/2025
4	90% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại Sở GDĐT và 80% đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành có hiểu biết về chuyển đổi	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục	Tháng 12/2025

	số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc			
5	100% học sinh trung học, sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số	Phòng GDTrH, GDNN&GDTX	Phòng GDTrH, GDNN&GDTX; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục từ cấp THCS trở lên	Tháng 12/2025
6	100% cơ sở giáo dục triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ phục vụ công tác quản lý, dạy học	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục phổ thông	Thường xuyên
7	100% cơ sở giáo dục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo quy định của Bộ GDĐT	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục phổ thông	Thường xuyên
8	100% cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh triển khai xây dựng học liệu số theo chương trình giáo dục phổ thông mới.	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục phổ thông	Thường xuyên
9	100% các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh triển khai học bạ số	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; UBND các xã	Theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT

			phường; Các cơ sở giáo dục phổ thông	
10	100% các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt.	Phòng Tài chính	Phòng Tài chính; UBND các xã phường; Các cơ sở giáo dục công lập	Tháng 11/2025
11	Triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến, giải quyết các thủ tục hành chính của ngành giáo dục và đào tạo đảm bảo các tỷ lệ chung của tỉnh.	Văn phòng Sở	Văn phòng Sở; các phòng thuộc Sở; UBND các xã phường	Theo kế hoạch chung của UBND tỉnh

PHỤ LỤC 2
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GDĐT)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDMN, GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX	Năm 2025 và các năm tiếp theo
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc triển khai hiệu quả khung năng lực số và giáo dục kỹ năng số cho học sinh	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX	Năm 2025 và các năm tiếp theo
3	Triển khai các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số	Phòng GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX, QLCL	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Năm 2025 và các năm tiếp theo
4	Tổ chức lựa chọn, thẩm định về cấu hình kỹ thuật thiết bị công nghệ thông tin, các giải pháp chuyển đổi số, các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức dạy học, hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tại các cơ sở giáo dục và các phần mềm dùng chung cho toàn ngành	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Các phòng thuộc Sở	Năm 2025 và các năm tiếp theo
5	Xây dựng, thẩm định và triển khai hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Các phòng thuộc Sở	Năm 2025 và các năm tiếp theo
6	Xây dựng, thẩm định và triển khai hệ thống Kho học liệu số dùng chung toàn ngành	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDMN, GDTH, GDTrH,	Năm 2025 và các năm tiếp theo

			GDNN&GDTX, QLCL	
7	Triển khai quản lý, xây dựng, cập nhật học liệu số vào hệ thống Kho học liệu số dùng chung toàn ngành	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDMN, GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX, QLCL	Năm 2025 và các năm tiếp theo
8	Triển khai các nhiệm vụ về Học bạ số	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX	Năm 2025 và các năm tiếp theo
9	Triển khai các nhiệm vụ về Văn bằng số	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng QLCL	Năm 2025 và các năm tiếp theo
10	Triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý, dạy học tại các cơ sở giáo dục	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDMN, GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX	Năm 2025 và các năm tiếp theo
11	Triển khai hợp tác với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển.	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Các phòng thuộc Sở	Năm 2025 và các năm tiếp theo
12	Triển khai cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Phòng Tổ chức cán bộ	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Theo đề án của Trung ương được ban hành
13	Cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính và phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước ngành giáo dục và đào tạo	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Theo kế hoạch chung của UBND tỉnh
14	Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trong toàn ngành	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Phòng GDMN, GDTH, GDTrH, GDNN&GDTX	Năm 2025 và các năm tiếp theo